

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS - ST
Ngày: 11-5-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng;
2. Bà Lưu Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST – DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐDS – ST ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S. Địa chỉ trụ sở: Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Schi nhánh Tây Ninh (Theo Quyết định số 3977/2020/QĐ – PL ngày 28-12-2020 của Tổng Giám đốc về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng).

Người được ủy quyền lại: Anh Cao Hiền Trí P, sinh năm 1972, chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ Phòng kiểm soát rủi ro (Theo giấy ủy quyền số 11/2021/GUQ – CNTN ngày 14-01-2021 của ông Nguyễn Hồng S); vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Trung H, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S (viết tắt là Ngân hàng S) do anh Cao Hiền Trí P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21-12-2018, anh Phạm Trung H có ký với Ngân hàng S Hợp đồng sử dụng Thẻ quốc tế số JCP, số thẻ: 356480 – 0916, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh H, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh H với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay: tín chấp (không có tài sản bảo đảm), lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng, không thỏa thuận thời hạn cho vay, phương thức trả nợ: trả tiền gốc và tiền lãi mỗi tháng tối thiểu là 500.000 đồng. Khi vay, anh H có cung cấp cho Ngân hàng S địa chỉ cư trú của anh H tại: Số khu phố A, phường B, thành phố T, ngoài ra không còn địa chỉ cư trú nào khác.

Sau khi vay anh H có thanh toán nợ cho Ngân hàng S đến tháng 9-2020 thì ngưng, không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh H vẫn không có thiện chí trả nợ, do anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, ngày 22-12-2020, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phí vượt hạn mức...) còn thiếu sang nợ quá hạn căn cứ quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Tại Đơn khởi kiện, Ngân hàng Syêu cầu anh Phạm Trung H trả số tiền tính đến ngày 14-01-2021 là 12.352.980 đồng, trong đó dư nợ gốc là 12.009.516 đồng, nợ lãi là 343.464 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15-01-2021 cho đến khi anh H trả dứt nợ vay.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ngày 30-3-2021, anh H đã trả cho Ngân hàng S số tiền 3.000.000 đồng và được Ngân hàng S ưu tiên hạch toán vào số dư nợ gốc. Nay Ngân hàng Syêu cầu anh H trả số tiền tính đến ngày 11-5-2021 là 11.027.496 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.009.516 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.017.980 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12-5-2021 cho đến khi anh H trả dứt nợ vay. Ngoài ra, Ngân hàng S không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Trung H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H không nộp bản tự khai, không đến Tòa giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 phí Tòa án quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với anh Phạm Trung H. Buộc anh Phạm Trung H trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 11-5-2021 là 11.027.496 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.009.516 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.017.980 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12-5-2021 cho đến khi anh H trả dứt nợ vay. Giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn anh Phạm Trung H có địa chỉ cư trú tại: Số khu phố A, phường B, thành phố T. Căn cứ quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Phạm Trung H ký Hợp đồng sử dụng Thẻ quốc tế số JCP, số thẻ: 356480 – 0916 với Ngân hàng Svào ngày 21-12-2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, do anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phí vượt hạn mức...) còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 22-12-2020. Tính từ ngày 22-12-2020 đến ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng S (ngày 15-01-2021) chưa quá 03 năm, căn cứ quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự, người đại diện của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S là anh Cao Hiền Trí P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Trung H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Hiền Trí P và anh Phạm Trung H là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với anh Phạm Trung H:

Xét thấy, việc anh Phạm Trung H vay tiền tại Ngân hàng S là có thật và hoàn toàn tự nguyện, được thể hiện thông qua Hợp đồng sử dụng Thẻ quốc tế số JCP, số thẻ: 356480 – 0916, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng, hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay: tín chấp

(không có tài sản bảo đảm), lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng, không thỏa thuận thời hạn cho vay, phương thức trả nợ: trả tiền gốc và tiền lãi mỗi tháng tối thiểu là 500.000 đồng.

Về mức lãi suất: Thỏa thuận về lãi suất cho vay giữa Ngân hàng S và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi vay anh H có thanh toán nợ cho Ngân hàng S đến tháng 9-2020 thì ngưng, việc anh H không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ của bên vay, căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S và quy định tại Khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu anh H thanh toán toàn bộ dư nợ là có căn cứ.

Tại Đơn khởi kiện, Ngân hàng S yêu cầu anh H trả số tiền tính đến ngày 14-01-2021 là 12.352.980 đồng, trong đó dư nợ gốc là 12.009.516 đồng, nợ lãi là 343.464 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15-01-2021 cho đến khi anh H trả dứt nợ vay. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ngày 30-3-2021, anh H đã trả cho Ngân hàng S số tiền 3.000.000 đồng và được Ngân hàng S ưu tiên hạch toán vào số dư nợ gốc nên anh H có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 11-5-2021 là 11.027.496 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.009.516 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.017.980 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12-5-2021 cho đến khi anh H trả dứt nợ vay.

Áp dụng quy định tại Án lệ số 08/2016 AL ngày 17-10-2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[2.2] Bị đơn anh Phạm Trung H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có) nên anh H phải chịu H quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 phí Tòa án quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Phạm Trung H chịu: $11.027.496 \text{ đồng} \times 5\% = 551.000 \text{ đồng}$.

Ngân hàng Skhông phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 309.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001124 ngày 19-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016 ngày 17-10-2016 được công bố theo Quyết định số 220/QĐ – CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 phí Tòa án quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng S đối với anh Phạm Trung H. Buộc anh Phạm Trung H trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 11-5-2021 là 11.027.496 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.009.516 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.017.980 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12-5-2021 cho đến khi anh Phạm Trung H trả dứt nợ vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Trung H chịu 551.000 đồng.

Ngân hàng S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 309.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001124 ngày 19-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Ánh Tuyết